

Bản án số: 2564/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0900/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 560/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 385/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc H

Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: 65B Chu Văn An, phường 26, quận X, Thành phố Y

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T

Sinh năm: 1985

Nơi cư trú: 65B Chu Văn An, phường 26, quận X, Thành phố Y

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, do nguyên đơn bà Trần Ngọc H khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ nguyên đơn bà Trần Ngọc H trình bày:

Bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 250; quyền số 01/2008 ngày

18/12/2008, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không có sự yêu thương và tôn trọng nhau, cuộc sống luôn nặng nề, mệt mỏi, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt không hạnh phúc, đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ năm 2020 đến nay bà và ông Nguyễn Thanh T sống ly thân mỗi người mỗi nơi, không còn quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà yêu cầu Tòa án giải cho ly hôn với ông Nguyễn Thanh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Trần Ngọc H xác định quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 08/5/2007. Từ khi bà và ông T sống ly thân trẻ Thư do một mình bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do đó, nay bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, nhằm tạo sự ổn định cho cháu, về cấp dưỡng nuôi con, do đủ điều kiện nên bà Trần Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản, nợ chung: Bà Trần Ngọc H xác định tự thỏa thuận với ông Nguyễn Thanh T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà không có ý kiến trình bày nào khác.

Sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Thanh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Thanh T, đã tổng đạt các thủ tục tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Thanh T theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi gì đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa sơ thẩm nhận xét:

- Việc thụ lý vụ án của Tòa là đúng thẩm quyền. Tòa án ra thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cũng như thủ tục tổng đạt thông báo các văn bản tố tụng, thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 170 đến 181; Điều 209, Điều 210, Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân thủ pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng

quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, từ khi thụ lý đến phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, mặc dù Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Ngọc H; về con chung: Quá trình chung sống có một con chung là Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 08/5/2007 giao cho bà Trần Ngọc H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà Trần Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con; về T sản, nợ chung: Bà Trần Ngọc H xác định tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí bà Trần Ngọc H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trần Ngọc H xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, hiện nay ông Nguyễn Thanh T đang cư trú tại quận Bình Thạnh, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn bà Trần Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên việc Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 250; quyển số 01/2008 ngày 18/12/2008 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Thanh T, đã nhiều lần triệu tập ông lên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, tham gia các phiên hòa giải đoàn tụ, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Đã tổng đạt hợp lệ thông báo kết quả phiên họp, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng khi mở phiên tòa ông Nguyễn Thanh T vẫn không có mặt, không có ý kiến phản hồi, cũng như không cung cấp các T liệu, chứng

cứ chứng minh mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bà Trần Ngọc H. Do vậy ông Nguyễn Thanh T tự tước bỏ quyền trình bày để bảo vệ những yêu cầu của mình tại Tòa án, thể hiện việc không còn quan tâm gì đến cuộc sống hôn nhân giữa ông với bà Trần Ngọc H.

Xét yêu cầu của bà Trần Ngọc H xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết ly hôn, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được, Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên bà Trần Ngọc H trở về đoàn tụ, cùng nhau xây dựng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc với ông Nguyễn Thanh T. Tuy nhiên bà Trần Ngọc H vẫn cương quyết giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh T vì tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Thanh T đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó việc hòa giải đoàn tụ là không thành.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân hạnh phúc vững bền cần phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, thiện chí của cả hai vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên giữa bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Thanh T có nhiều bất hòa trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt không hạnh phúc, cả hai ông bà cũng đã cố gắng hòa giải những bất hòa trong cuộc sống nhưng không thành, dẫn đến việc ông bà sống ly thân mỗi người mỗi nơi từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc gì cho nhau, điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà Trần Ngọc H và ông Nguyễn Thanh T là trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Ngọc H xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh T là có cơ sở để chấp nhận căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại Tòa án trong các buổi làm việc, tại phiên Tòa xét xử hôm nay vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến trình bày và nguyện vọng của ông về thực hiện các quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 08/5/2007.

Nay bà Trần Ngọc H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 08/5/2007. Hiện trẻ Thư đang sống ổn định, để không làm xáo trộn cuộc sống của các trẻ và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Thư mong muốn được ở với mẹ. Do đó việc bà Trần Ngọc H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là có cơ sở để chấp nhận, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà Trần Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về T sản, nợ chung: Bà Trần Ngọc H xác định tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí, Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273, 278, 280, 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Ngọc H.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- **Về con chung:** Giao cho bà Trần Ngọc H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Minh Thư, sinh ngày 08/5/2007. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Trần Ngọc H xác định không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về T sản, nợ chung:** Bà Trần Ngọc H xác định tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0049670 ngày 10/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Thạnh (2);
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- TAND TPHCM;
- UBND phường 26, quận Bình Thạnh,
TP.HCM;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thúc